TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN ĐỒN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 5 năm 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Cầu.

2. Ông Phạm Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Minh Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/01/2018, về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 02/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 320, khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 320, khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn ngày 25/9/2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn. Trong quá trình 11 năm chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, bất đồng về quan điểm sống, không chia sẻ, đồng cảm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Cuối năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau và chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Hoàng Anh T - sinh ngày 23/8/2007 và Hoàng Gia H - sinh ngày 28/02/2015. Từ khi sống ly thân anh T, chị đưa con Anh T đi cùng chị sống ở nhà mẹ chị cho đến nay còn con Gia H vẫn sống chung cùng anh T. Khi ly hôn chị Phạm Ngọc Q đề nghị được trực tiếp nuôi d□ỡng hai con cho đến khi thành niên; chị Q không yêu cầu anh T phải cấp d□ỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 12/01/2018 và bản tự khai ngày 02/3/2018 có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa anh T đều thể hiện quan điểm như sau:

Về hôn nhân: Anh T đồng ý về quá trình kết hôn như chị Q trình bày, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân do vợ chồng hiểu nhầm nhau. Anh T cũng như hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhiều lần, mong chị Q trở về sống cùng anh nhưng không có kết quả. Đến nay anh vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Q có hai con chung như chị Q trình bày là đúng. Từ khi chị Q sống ly thân với anh thì chị Q cũng đem theo con Hoàng Anh T sống cùng chị Q, còn con Hoàng Gia H vẫn sống cùng anh, trường hợp phải ly hôn anh yêu cầu giải quyết cho anh được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của chị Phạm Ngọc Q, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hoàng Xuân T, có thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình vì vậy anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Xuân T kết hôn ngày 25/9/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Vân Đồn là tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung

sống tại khu 8, thị trấn C, huyện Vân Đồn thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống và tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng ly thân mỗi người một nơi. Quá trình giải quyết, anh T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, bản thân anh đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn với mục đích vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần, nhưng anh T đều không có mặt, anh mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng anh không thực hiện bằng việc làm thiết thực của mình, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa chị Q vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đến nay không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Q và anh T có 02 con chung là Hoàng Anh T - sinh ngày 23/8/2007 và Hoàng Gia H - sinh ngày 28/02/2015. Chị Q và anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Xét điều kiện nuôi dưỡng của chị Q và anh T đều như nhau, con T có nguyện vọng trường hợp bố mẹ không sống chung cùng nhau thì cháu muốn sống cùng chị Q do đó Hội đồng xét xử xét thấy vì lợi ích của các con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống hiện tại cũng như trong học tập sau này nên cần giao con T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, vay nợ*: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Ngọc Q.

Về hôn nhân: Chị Phạm Ngọc Q được ly hôn anh Hoàng Xuân T.

Về con chung: Giao con Hoàng Anh T - sinh ngày 23/8/2007 cho chị Phạm Ngọc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con Hoàng Gia H - sinh ngày 28/02/2015 cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); chị Phạm Ngọc Q và anh Hoàng Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con H; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con T mà không ai đ□ợc cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001851 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; chị Phạm Ngọc Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/5/2018).

<u>Nơi nhận</u>:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vân Đồn;
- CCTHADS huyện Vân Đồn;
- UBND thị trấn C, huyện Vân Đồn;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Nga